

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 201/2025/HS-ST
Ngày 09-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Công Danh
- Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 167/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Quang T** (tên gọi khác: Lý) - sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Giới tính: nam; Nơi cư trú: G, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Quang Đ; Con bà Lâm Thị Ánh H; Vợ: Phan Thị Tuyết N; Có 02 con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Ngày 11/5/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” (Bản án số 191/2022/HSST).

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 16/8/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 364/2010/HSST).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/11/2024, chuyển tạm giam đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực B. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Thế C** - sinh năm 1990 tại Nghệ An; Giới tính: nam; Nơi đăng ký thường trú: bản L, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi sinh sống: nhà

trợ số I, tổ G, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Thế L; Con bà Nguyễn Thị T1.

Tiền án: Ngày 11/5/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” (Bản án số 191/2022/HSST).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 04/4/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án 196/2007/HSST).

- Ngày 17/7/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa 01 năm 04 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (Bản án 412/2007/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/11/2024, tạm giam đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực B và Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Có mặt.

Bị hại: Anh Trần Đình Đ1, sinh năm 1997

Địa chỉ: số A, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Quang T và Hoàng Thế C là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội và đều không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 01 giờ ngày 21/10/2024, T qua nhà trọ của C địa chỉ số I, tổ G, khu phố C, phường A, thành phố B ngồi chơi, do cần tiền tiêu xài nên T đã rủ C đi trộm cắp tài sản, C đồng ý. T điều khiển xe mô tô Wave màu đỏ đen (không rõ biển số) chở C đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến trước tiệm điện thoại “C” địa chỉ số A, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B thì thấy cửa cuốn khoá ngoài nên cả hai dừng lại quan sát, thấy không có người qua lại nên C đi lại trước cửa và dùng kiềm bẻ gãy khoen khoá cửa cuốn, sau đó T dùng tay kéo 01 đầu cửa cuốn lên để cho C chui vào bên trong, còn T đứng chờ ở bên ngoài canh giới.

Khi vào bên trong thì C lấy 01 đèn pin nhỏ trong túi quần ra bật lên để soi nhìn, C thấy có camera nên đi đến dùng tay rút nguồn điện của camera ra để không bị ghi hình. C lấy 04 cái điện thoại di động trong tủ kính, 04 điện thoại di động trên bàn, 01 máy laptop hiệu Asus màu đen để trên ghế sofa, C bỏ tất cả tài sản vừa trộm được vào túi đựng rồi gọi T kéo cửa cuốn lên để C chui ra ngoài tẩu thoát. Sau đó, cả hai về lại phòng trọ của T tại địa chỉ G, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai kiểm tra tài sản lấy trộm được gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus SonicMaster core i3-3217U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 8Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 10 lite 64Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 32Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS; 02 điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5. Sau khi kiểm tra xong, T chở C về lại phòng trọ để ngủ, còn T đi về.

Sau đó, T đem 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 8Gb, 01 điện thoại di động Xiaomi Note 10 lite 64Gb và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus SonicMaster core i3-3217U đến cầm cố cho anh Quế Văn H1 (sinh năm 1976, ngụ tại số B, tổ F, khu phố E, phường A, thành phố B) được số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng). T tiếp tục đem bán chiếc điện thoại di động Iphone XS cho chị Trần Bích N1 (sinh năm 1984, ngụ tại tổ B, khu phố D, phường T, thành phố B) được số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động Iphone 6S cho anh Nguyễn Anh T2 (sinh năm 1986, ngụ tại A, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố B) được số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bán cho anh Ngô Văn T3 (sinh năm 1989, ngụ tại 5, khu phố A, phường L, thành phố B) 01 điện thoại di động Iphone 6S được số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), T2 chia cho C số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) còn lại tiêu xài hết.

Sau khi bị mất trộm tài sản, anh Trần Đình Đ1 đã trình báo Công an phường A lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ T2 và C, khởi tố điều tra xử lý.

Vật chứng:

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus SonicMaster core i3-3217U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 8Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 10 lite 64Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 32Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S là tài sản bị trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho bị hại là anh Trần Đình Đ1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, sau khi trộm cắp được T2 đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, nên không thu hồi được.

- 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ đen (không rõ biển số), là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. T2 khai nhận mua chiếc xe này trên mạng xã hội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội T2 đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch nên không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 372/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B Hòa kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus SonicMaster core i3-3217U giá 1.075.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 8Gb giá 418.500 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 10 lite 64Gb giá 1.407.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 32Gb giá 300.000 đồng; Tổng trị giá là 3.200.500 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 406/KL-HĐ ĐGTS ngày 02/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 giá 1.527.000 đồng; 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Iphone XS giá 50.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S giá 50.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S giá 50.000 đồng; tổng trị giá 1.677.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 do tài sản chưa thu hồi nên không có cơ sở định giá.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Trần Đình Đ1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường;

- Anh Quế Văn H1, chị Trần Bích N1, anh Nguyễn Anh T2, anh Ngô Văn T3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại cáo trạng số 199/CT-VKSBH ngày 05 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Ngô Quang T, Hoàng Thế C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; tuyên các bị cáo Ngô Quang T, Hoàng Thế C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt:

Bị cáo Ngô Quang T: từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Bị cáo Hoàng Thế C: từ 01 năm 04 tháng tù đến 01 năm 10 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị hại anh Trần Đình Đ1 vắng mặt; trong giai đoạn điều tra anh Đ1 đã có lời khai và không có yêu cầu. Do vậy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Quang T và bị cáo Hoàng Thế C có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 21/10/2024, tại cửa hàng điện thoại “C” địa chỉ số A, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hoàng Thế C và Ngô Quang T có hành vi trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus SonicMaster core i3-3217U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 8Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 10 lite 64Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 32Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 có tổng trị giá là 4.877.500 đồng.

Hành vi của các bị cáo Ngô Quang T, Hoàng Thế C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo theo tội danh điểm, khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với anh Quế Văn H1, chị Trần Bích N1, anh Nguyễn Anh T2, anh Ngô Văn T3 tiêu thụ tài sản do bị cáo T2 và bị cáo C trộm cắp mà có, nhưng khi tiêu thụ không biết các tài sản này do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Quang T, Hoàng Thế C thuộc trường hợp đồng phạm, có sự phân công vai trò của từng bị cáo. Xét vai trò các 02 bị cáo thì khi phạm tội bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê; bị cáo C là người thực hiện cùng bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò đồng phạm của bị cáo T là cao hơn, nên mức hình phạt đối với bị cáo T là cao hơn so với bị cáo C.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus SonicMaster core i3-3217U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 8Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note 10 lite 64Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 32Gb; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6; 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone XS; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, là tài sản bị trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Trần Đình Đ1 là đúng quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, sau khi trộm cắp được T đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, nên không thu hồi được.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ đen (không rõ biển số), là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. T khai nhận mua chiếc xe này trên mạng xã hội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội T đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch nên không thu giữ được.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Trần Đình Đ1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

- Đối với anh Quế Văn H1, chị Trần Bích N1, anh Nguyễn Anh T2, anh Ngô Văn T3 tiêu thụ tài sản trộm cắp, đã giao nộp lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với tổng số tiền 2.800.000 đồng các bị cáo có được từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp (cầm cho anh Quế Văn H1 số 1.900.000đ, bán cho chị Trần Bích N1 số tiền 300.000đ, bán cho anh Nguyễn Anh T2 số tiền 300.000đ, bán cho anh Ngô Văn T3 số tiền 300.000đ); các bị cáo đã chia đôi số tiền này, mỗi người 1.400.000 đồng. Anh Quế Văn H1, chị Trần Bích N1, anh Nguyễn Anh T2, anh Ngô Văn T3 không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền.

Hội đồng xét xử xác định đây là số tiền thu lợi bất chính; nên buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo: Ngô Quang T, Hoàng Thế C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Quang T: **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2024.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thế C: **01** (một) năm **04** (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Ngô Quang T phải nộp lại số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Hoàng Thế C phải nộp lại số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Ngô Quang T, bị cáo Hoàng Thế C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quyền

